

Bản án số: **125/2021/KDTM-PT**

Ngày: 23/6/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 61 ngày 05/3/2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2021/QĐXX-PT ngày 14/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 345/QĐ – PT ngày 03/6/2021, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ trụ sở tại: số 191 B, phường L, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N, giám đốc xử lý nợ khối quản trị rủi ro (Theo Giấy ủy quyền số 1218 ngày 27 tháng 09 năm 2017 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP K)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Hoàng Thị Minh P, bà Hoàng Minh T và ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1989 – chuyên viên (Văn bản ủy quyền số 274-03/2021/UQ-TCB ngày 23/4/2021 của giám đốc xử lý nợ khối quản trị rủi ro- Ngân hàng TMCP K).

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH đầu tư và công nghiệp H

Địa chỉ trụ sở: Số 3 ngõ 10, đường T, phường M, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Chí Đ, sinh năm 1978

Trú tại: 106C4 Vĩnh Hồ, phố Thái Thịnh, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

+ ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Đỗ Chí Đ, sinh năm 1978;
Trú tại: 106 C4 V, phố T, phường N, quận Đ, thành phố H.
2. Ông Triệu Khắc C, sinh năm 1977.
3. Bà Phạm Thị Lan P, sinh năm 1979.
4. Chị Triệu Bích D, sinh năm 2002.
5. Triệu Hà M, sinh năm 2008.
6. Triệu Minh N, sinh năm 2018

Người đại diện theo pháp luật của cháu cháu M, cháu N là ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Triệu Bích D là ông Triệu Khắc C

Đều trú tại: Số nhà 16 , tổ 31(nay là tổ 12) , phố T, phường T, quận T, thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Triệu Khắc C: Ông Nguyễn Đại H – Luật sư thuộc Công ty Luật T– chi nhánh T

Địa chỉ: Tầng 2 nhà B, số 5/1 P, phường Y, quận C, thành phố H

Người kháng cáo: Ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Te- nguyên đơn) và Công ty TNHH đầu tư và công nghiệp H (viết tắt là công ty H- bị đơn) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 030512/HĐHMTD/TCB/KNM ngày 03/5/2012 cùng khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ với nội dung: Ngân hàng TMCP K cấp cho Công ty TNHH đầu tư và công nghiệp H hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng; Số tiền đã giải ngân: 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng. Cụ thể: Khế ước nhận nợ số 09 ngày 7/5/2012 giải ngân 2.006.040.000 đồng, thời hạn cho vay: 04 tháng; mục đích vay vốn: thanh toán tiền mua hàng; lãi suất cho vay cố định là 20,3%/năm; Khế ước nhận nợ số 11 ngày 12/5/2012 giải ngân 1.993.960.000 đồng, thời hạn vay: 04 tháng; mục đích vay vốn : thanh toán tiền mua hàng; lãi suất cho vay cố định là 20,3%/năm.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ của công ty H, ông Đỗ Chí Đ đã thế chấp: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5E-III-16 tại địa chỉ: Số 16, tổ 31, phường T, quận T, thành phố H; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10111190065, hồ sơ gốc số 13547.2001/2499.2001.QĐUB, do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/5/2001, đăng ký sang tên cho ông Đỗ Chí Đ số 41 ngày 08/02/2012 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T, thành phố H. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 522.2012/HĐTC-TCB ngày 02/5/2012 tại văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, công ty H đã trả được: 212.310.550 đồng tiền nợ lãi.

Ngân hàng đã nhiều yêu cầu Công ty H thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Te nhưng Công ty H vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Te.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng thì lãi suất áp dụng là lãi suất cố định 20.3%/năm. Tuy nhiên, để hỗ trợ doanh nghiệp, Te điều chỉnh lãi suất áp dụng trong hạn xuống 13%/năm, lãi suất quá hạn là 19.5%. Te cũng đã có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi phạt.

Tạm tính đến ngày 29/7/2020, sau khi đã điều chỉnh lãi suất Công ty H còn nợ: 4.000.000.000 đồng nợ gốc; Nợ lãi: 6.275.391.071 đồng(lãi trong hạn 44.057.738 đồng ; lãi quá hạn 6.231.333.333 đồng); Tổng nợ là **10.275.391.071** đồng.

Nay Ngân hàng TMCP K đề nghị Tòa án:

Buộc Công ty H thanh toán cho Te số tiền tạm tính đến ngày 29/7/2020: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 6.275.391.071 đồng(lãi trong hạn 44.057.738 đồng ; Lãi quá hạn 6.231.333.333 đồng); Tổng nợ 10.275.391.071 đồng và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số: 030512/HĐHMTD/TCB/KNM ngày 03/5/2012 kể từ ngày 30/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án/Văn phòng Thừa phát lại tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay là nhà đất nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo quy định pháp luật. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty H đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Ông Đỗ Chí Đ- đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH đầu tư và công nghiệp H trình bày:

Xác nhận đã ký kết hợp đồng tín dụng số 030512/HĐHMTD/TCB/KNM ngày 03/5/2012 cùng khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ như Ngân hàng trình bày là đúng. Ngân hàng TMCP K đã giải ngân cho Công ty vay 4.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5E-III-16 tại địa chỉ: Số 16, tổ 31, phường T, quận T, thành phố H; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10111190065, hồ sơ gốc số 13547.2001/2499.2001.QĐUB, do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/5/2001, đăng ký sang tên cho ông Đỗ Chí Đ số 41 ngày 08/02/2012 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T, thành phố H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tạm tính đến ngày 29/7/2020, Công ty H còn nợ Ngân hàng: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 6.275.391.071 đồng (lãi trong hạn 44.057.738 đồng; lãi quá hạn 6.231.333.333 đồng), Tổng nợ là 10.275.391.071 đồng.

Tài sản thế chấp từ khi thế chấp đến nay vẫn nguyên trạng, không sửa chữa coi nói, hiện nay ông Đ cho gia đình vợ chồng ông Triệu Khắc C, Bà Phạm Thị Lan P cùng các con chị Triệu Bích D, cháu Triệu Hà M, cháu Triệu Minh N ở nhờ từ khi thế chấp đến nay.

Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty H ông Đ đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Nếu Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Triệu Khắc C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Triệu Bích D, cháu Triệu Hà M, cháu Triệu Minh N trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 21/10/2015: Khoảng tháng 2/2012 gia đình tôi có làm biên bản ủy quyền cho anh Đỗ Chí Đ ngôi nhà số 16, phố T để vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau khi Ngân hàng thông báo gia đình tôi mới biết ngôi nhà gia đình chúng tôi đang ở anh Đ đã thế chấp để vay 4.000.000.000 đồng chưa tính lãi và anh Đ đã sang tên, thế chấp tại Ngân hàng. Tính từ thời điểm anh Đ thế chấp đến nay thì ngôi nhà không có thay đổi đăng kê.

Tại đơn khiếu nại ngày 6/7/2020 ông Triệu Khắc C đề nghị tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án vì ông đang tố cáo hành vi lừa đảo của anh Đỗ Chí Đ đã chiếm đoạt quyền sử dụng đất của gia đình ông .

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2020 tại Công an phường T thì trên tài sản thế chấp có những người đang sinh sống gồm: Ông Triệu Khắc C, Bà Phạm Thị Lan P, Chị Triệu Bích D, cháu Triệu Hà M, cháu Triệu Minh N .

Quá trình Tòa án giải quyết đã đến: Số nhà 16, tổ 31(nay là tổ 12), phố T, phường T, quận T, thành phố H để tổng đạt các văn bản tố tụng cho: Ông Triệu Khắc C, Bà Phạm Thị Lan P, Chị Triệu Bích D, cháu Triệu Hà M, cháu Triệu Minh N nhưng ông C, bà P đều vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về sự việc trên và thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Ngân hàng xin rút phần lãi phạt, điều chỉnh lãi xuất xuống là 13%, quá hạn là 19.5% và đề nghị Công ty H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 29/7/2020 là: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 6.275.391.071 đồng (lãi trong hạn 44.057.738 đồng; Lãi quá hạn 6.231.333.333 đồng); Tổng nợ 10.275.391.071 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 36/2020/KDTM-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với Công ty H.
2. Buộc Công ty H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 030512/HĐHMTD/TCB/KNM ngày 03/5/2012 tính đến ngày 29/7/2020 là: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng, nợ lãi: 6.275.391.071 đồng (trong đó: lãi trong hạn 44.057.738 đồng, lãi quá hạn 6.231.333.333 đồng); Tổng cộng là **10.275.391.071** đồng.
3. Buộc Công ty H phải tiếp tục trả số nợ lãi trên dư nợ gốc tính theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 030512/HĐHMTD/TCB/KNM ngày 03/5/2012 và Khế ước nhận nợ số: 09 ngày 7/5/2012 kể từ ngày 30/7/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP K.
4. Trong trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ

cho ngân hàng. Cụ thể là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5E-III-16 tại địa chỉ: Số 16, tổ 31, phường T, quận T, thành phố H; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10111190065, hồ sơ gốc số 13547.2001/2499.2001.QĐUB, do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/5/2001, đăng ký sang tên cho ông Đỗ Chí Đ số 41 ngày 08/02/2012 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T, thành phố H

5. Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Công ty H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tuyên hợp đồng thế chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/01/2012 giữa ông T với ông Đ và hợp đồng thế chấp ngày 05/02/2012 giữa ông Đ với Ngân hàng là vô hiệu.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay:

Ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông C trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm cố tình xét xử vắng mặt ông khi ông đã có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị ốm, phải nhập viện điều trị; bỏ sót người tham gia tố tụng trong gia đình ông và ủy ban nhân dân phường T, Ủy ban nhân dân quận T, Phòng đăng ký quyền sử dụng đất; Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào xác nhận của Công an phường T xác nhận trên thửa đất trên chỉ có vợ chồng ông cùng 3 con sinh sống là không có căn cứ; không giải quyết công sức tôn tạo sửa chữa nhà trên đất; không xác định rõ nguồn gốc thửa đất đã vội vã kết luận gia đình ông chỉ đang ở nhờ. Ông C khẳng định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bố ông (ông Triệu Khắc T) với ông Đ là sai pháp luật. Ông Đ nhận chuyển nhượng và thế chấp nhà đất của gia đình ông là có dấu hiệu lừa đảo.

Ông C đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bố ông là ông Triệu Khắc T với ông Đỗ Chí Đ và tuyên hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP K với ông Đ là vô hiệu. Tại phiên tòa ông Triệu Khắc C không xuất trình thêm tài liệu gì khác. Ông C trình bày có biết việc ông T vay tiền của ông Đ nên làm giấy bán nhà cho ông Đ và ông Đ đã thế chấp tại ngân hàng. Khi vợ chồng ông cải tạo nhà năm 2016 thì đã biết việc ông Đ thế chấp nhà đất này cho ngân hàng. Ngân hàng có tiến hành xem xét thẩm định trước khi nhận thế chấp và có gặp em ông chứ không gặp ông. Trước khi ông T bán nhà cho ông Đ thì nhà đất đã thế chấp tại ngân hàng khác để bảo đảm khoản vay của ông C. Ông Đ phải nộp tiền vào ngân hàng khoảng hơn 1.000.000.000 tỷ đồng, tất cả số tiền ông Đ đưa cho ông T là 1.500.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông C đề xuất hòa giải cho gia đình ông bán nhà trên để trả nợ gốc 4.000.0000.000 (bốn tỷ) đồng cho ngân hàng còn lãi thì xin miễn.

Đại diện nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các lời khai, chứng cứ đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ngân hàng tự chủ động điều chỉnh lãi suất xuống còn 13%/năm. Ngân hàng tự nguyện hỗ trợ gia đình

ông C số tiền 250.000.000 đồng nếu phải xử lý tài sản thế chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P.

Ông Đỗ Chí Đ xin giữ nguyên tất cả các lời khai, chứng cứ đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm và khẳng định: Việc mua bán nhà đất thế chấp nêu trên giữa ông Đ với ông T là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, đã giao đầy đủ tiền mua nhà và đã được đăng ký sang tên theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, do công ty đã phá sản, hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi xuống còn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng để ông Đ có thể thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Việc mua bán nhà là ông T tự nguyện, giá ghi trong hợp đồng thấp là do ông T đề nghị còn thực tế giá nhà là cao hơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Triệu Khắc C nhất trí với các ý kiến trình bày của ông C và trình bày luận cứ có các nội dung như sau: Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng vì hiện tại nhà đất thế chấp có 12 người đang ở. Đất thế chấp có nguồn gốc cha ông để lại. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cho ông T thì gia đình ông T có 05 người mà chỉ cấp mình tên ông T là có sai sót. Cần phải đưa Ủy ban nhân dân quận T, Văn phòng nhà đất quận T vào tham gia tố tụng. Việc ông T chuyển nhượng nhà đất cho ông Đ là vô hiệu. Ông T trước khi chuyển nhượng phải xin cơ quan có thẩm quyền xác nhận tài sản là của ông T giá bán ghi trong hợp đồng 600.000.000 đồng là thấp hơn thực tế, giá bán theo hợp đồng có bán được không. Ông C không biết việc ngân hàng xem xét thẩm định giá trị khi nhận thế chấp. Hồ sơ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chưa đủ, chưa có căn cứ xác định thửa đất thế chấp là của ông T thay cả gia đình nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo trong thời hạn, đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về các nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã hoãn phiên tòa nhiều lần vào các ngày 13/7; 29/7; 19/8. Hồ sơ xin hoãn phiên tòa lần cuối chỉ là bản phô tô copy nên Tòa án sơ thẩm xét xử ngày 16/9/2020 là có căn cứ. Tòa án sơ thẩm chỉ đưa những người đang ở trên đất thế chấp theo cung cấp của Công an phường là chính xác.

Hợp đồng mua bán giữa ông T và ông Đ đã làm đúng thủ tục và sang tên tại cơ quan có thẩm quyền là hợp pháp. Việc cấp giấy chứng nhận cho ông T từ năm 2011 thì các thành viên trong gia đình đều biết từ lúc đó mà không thắc mắc gì nên phải xác định việc cấp Giấy chứng nhận đó là hợp pháp, hết thời hạn giải quyết khiếu nại và khởi kiện hành chính. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án. Sửa án sơ thẩm về lãi suất trên cơ sở ngân hàng tự nguyện giảm lãi và hỗ trợ cho gia đình ông C 250.000.000 đồng.

Việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định Bộ luật dân sự. Do đó Hợp đồng tín dụng là hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với nợ lãi: Tại phiên tòa Ngân hàng chủ động điều chỉnh lãi suất xuống còn 13%/năm là có lợi cho bị đơn nên cần được ghi nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu về lãi phạt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đình chỉ đối với phần rút yêu cầu lãi phạt của nguyên đơn là thiếu sót. Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đã được các bên thỏa thuận, ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại cơ quan công chứng có thẩm quyền và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Do vậy, hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật, các bên phải có trách nhiệm thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ghi nhận sự hỗ trợ tự nguyện 250.000.000 đồng của ngân hàng đối với vợ chồng ông Triệu Khắc C nếu tài sản thế chấp bị phát mại để thu hồi nợ theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo không xuất trình được các tài liệu chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P và sửa bản án sơ thẩm về phần rút yêu cầu lãi phạt của nguyên đơn và nợ lãi của bị đơn.

Về án phí: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án quy định về mức đóng án phí phúc thẩm của án kinh doanh thương mại là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho người kháng cáo nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là chưa đúng theo quy định nên cần rút kinh nghiệm.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty TNHH đầu tư và công nghiệp H có địa chỉ trụ sở tại Số 3 ngõ 10, đường T, phường M, quận H, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay, ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về việc mở phiên tòa ngày 16/9/2020 trong khi ông C có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị ốm bệnh, phải nhập viện điều trị và có đơn xin hoãn phiên tòa; Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng. Về nội dung này Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thể hiện. Phiên tòa được Tòa án cấp sơ thẩm mở lần thứ 4 vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 16/9/2020, ông C có đơn xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông C gửi kèm theo đơn xin hoãn phiên tòa ngày 16/9/2020 là phiếu khám bệnh và bệnh án cũng đều là bản phô tô, không có ngày tháng và chữ ký xác nhận tình trạng sức khỏe của ông C của người có thẩm quyền về chuyên môn. Sau phiên tòa, theo dấu tròn của bưu điện đề ngày 16/10/2020, ông C gửi cho Tòa án sơ thẩm bản phô tô “Giấy ra viện”. Như vậy, theo quy định pháp luật về chứng cứ thì các tài liệu trên đều là bản phô tô, không phải là bản sao công chứng, không có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền, mặt khác vụ án đã quá thời hạn xét xử sơ thẩm, phiên tòa sơ thẩm đã hoãn đến lần thứ 4 chứng tỏ Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện về thời hạn cho các đương sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vào ngày 16/9/2020 là đúng quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm tại cơ quan Công an sở tại nơi gia đình ông C đang sinh sống và nơi có nhà đất thế chấp cho kết quả: Hiện nhà đất trên chỉ có vợ chồng ông C cùng 3 người con của vợ chồng ông đang sinh sống. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

Gia đình ông C cho rằng ông Đỗ Chí Đ có hành vi lừa đảo, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T có hành vi vi phạm pháp luật trong việc sang tên nhà đất từ ông Tsang ông Đ và cán bộ Ngân hàng Te cố ý vi phạm thủ tục cho vay. Theo lời khai và tài liệu có trong hồ sơ thì từ tháng 5/2020 ông C đã nhiều lần làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan cảnh sát điều tra đã có mời ông C đến để làm rõ. Tuy nhiên, cho đến nay Cơ quan cảnh sát điều tra không có quyết định khởi tố vụ án. Theo Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Hình sự thì thời gian kiểm tra, xác minh tin báo hoặc tố giác tội phạm không quá 04 tháng 20 ngày. Do đó yêu cầu của ông C đề nghị Tòa án Tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại chờ kết quả của Cơ quan điều tra là không được chấp nhận vì vụ án kinh doanh thương mại đã quá thời hạn xét xử lâu rồi.

Về Hợp đồng tín dụng: Ngày 03/5/2012 Ngân hàng TMCP K và Công ty H ký Hợp đồng tín dụng số 030512/HĐHMTD/TCB/KNM và khế ước nhận nợ số: 09 ngày 7/5/2012 và khế ước nhận nợ số 11 ngày 12/5/2012. để vay tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng; Lãi suất cho vay theo khế ước nhận nợ cố định là 20,30%/năm hoặc theo nguyên tắc lãi suất biến động được áp dụng theo quy định của Ngân hàng công bố từng thời kì; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ.

Xét nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng

các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn vay tổng số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng là đã được thực hiện theo đúng cam kết. Tuy nhiên, Công ty H chưa thanh toán nợ gốc đến nay, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hai bên đã ký nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng mức lãi suất cho vay và đã được Ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, do bị đơn đang trong hoàn cảnh khó khăn, để tạo điều kiện cho bị đơn có thể trả nợ, tại phiên tòa hôm nay ngân hàng đã tự chủ động điều chỉnh giảm lãi suất bao gồm cả lãi quá hạn xuống còn 13%/năm là tự nguyện nhằm chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp cũng như người thế chấp, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước nên được HĐXX ghi nhận. Việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 16/9/2020 là **4.198.279.959** đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 44.057.737 đồng và lãi quá hạn là 4.154.222.222 đồng) là có căn cứ. Tổng cộng, Ngân hàng đề nghị buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng (tạm tính đến ngày 16/9/2020) tổng số tiền là **8.198.279.959** đồng (trong đó, Nợ gốc là: **4.000.000.000** đồng; nợ lãi là **4.198.279.959** đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng xin rút phần lãi phạt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đình chỉ đối với phần yêu cầu này của ngân hàng là thiếu sót nên tại phiên tòa phúc thẩm cần đình chỉ đối với phần rút lãi phạt của ngân hàng theo đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của ông C và bà P liên quan đến tài sản đảm bảo:

Để đảm bảo cho khoản vay, giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 01 Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5E-III-16 tại địa chỉ: Số 16, tổ 31, phường T, quận T, thành phố H; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10111190065, hồ sơ gốc số 13547.2001/2499.2001.QĐUB, do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/5/2001, đăng ký sang tên cho ông Đỗ Chí Đ số 41 ngày 08/02/2012 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T, thành phố H.

Tại Điều 1 Hợp đồng thế chấp quy định: Tài sản thế chấp theo Hợp đồng này là các tài sản cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất. Tài sản thế chấp đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm, cho các hợp đồng tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng nay (Điều 2). Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tài sản thế chấp theo đúng quy định pháp luật. Ông Đ xác nhận tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp và ông C là người ở đó cũng thừa nhận tài sản thế chấp không có gì thay đổi đáng kể so với thời điểm ông Đ thế chấp. Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được thỏa thuận, ký kết trên cơ sở tự định đoạt của những người có thẩm quyền, mục đích và nội dung

thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng thể chấp đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 122, 124, 318, 319, 323, 342, 343, 715, 716, 717, 719 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 167 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 10 của Nghị định số:163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 1 của Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do vậy, Hợp đồng thể chấp đã có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Việc ông C khai nhà đất đứng tên ông T bố ông và vợ chồng ông đang ở đó cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến công sức vợ chồng ông cải tạo sửa chữa, nâng cấp nhà với tổng chi phí hết gần 500 triệu đồng nhưng ông không có tài liệu hoặc biên lai, chứng cứ nào thể hiện việc vợ chồng ông chi phí cho việc nâng cấp nhà như ông trình bày.

Đối với yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông C về việc yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với tài sản thể chấp nêu trên giữa ông Triệu Khắc T với ông Đỗ Chí Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa ông Triệu Khắc T với ông Đ đã ký với nhau hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/01/2012 theo đó “bên A (ông Triệu Khắc T) đồng ý bán cho bên B (ông Đỗ Chí Đ) toàn bộ nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở với những đặc điểm về nhà, đất được ghi trong Giấy chứng nhận nêu trên. Việc chuyển nhượng này giữa ông T và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, chủ thể ký kết hợp đồng đủ năng lực pháp luật và phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111190065 do UBND thành phố Hà Nội đã cấp ngày 04/5/2001 cho một mình ông Triệu Khắc T đứng tên và đã được Văn phòng đăng ký đất đai nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngày 08/02/2012 tại mục “nội dung thay đổi và tên chủ mới” có nội dung đăng ký sang tên chuyển nhượng cho ông Đỗ Chí Đ. Như vậy, việc ông C và bà P cho rằng việc chuyển nhượng nhà đất nêu trên giữa ông T với ông Đ là vô hiệu, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T cho ông Đ và hợp đồng thể chấp nêu trên giữa ông Đ với nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Trong vụ án này ông C có lời khai là năm 2018 vợ chồng ông có cải tạo lại hết 500.000.000 đồng và đề nghị xem xét quyền lợi. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì ông Triệu Khắc T đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Chí Đ vào tháng 02/2012 và ông Đ đã thế chấp cho Ngân hàng vào ngày 08/5/2012. Theo quy định tại Điều 4.2 của Hợp đồng thể chấp thì phần đầu tư xây dựng thêm cũng thuộc về tài sản thế chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay phía Ngân hàng tự nguyện đồng ý hỗ trợ gia đình ông C số tiền 250.000.000 đồng nếu phải xử lý tài sản thế chấp. Đây là tự nguyện, thiện chí của Ngân hàng nên được ghi nhận.

Xem xét các luận cứ của luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông C thấy: Luận cứ về việc Tòa án sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là không đúng. Luận cứ cho rằng nhà đất đó là tài sản chung của ông T và 05 người con là không đúng, trái với Giấy

chứng nhận do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp từ năm 2001. Tại phiên tòa, ông C xác nhận từ năm 2001 đến nay không khiếu nại, thắc mắc gì nên không có căn cứ để xác định là tài sản của hộ gia đình. Do nhà đất thế chấp đứng tên cá nhân ông Tnên ông T có quyền bán mà không phải xin xác nhận là có quyền bán hay không. Việc đề nghị các cơ quan quản lý tại địa phương tham gia tố tụng là không có căn cứ. Từ đó thấy các luận cứ của luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông C không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P và sửa án sơ thẩm liên quan đến phần rút yêu cầu lãi phạt của nguyên đơn và phần nợ lãi ngân hàng đã tự nguyện giảm cũng như tự nguyện của Ngân hàng hỗ trợ gia đình ông C 250.000.000 đồng.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm khi yêu cầu người kháng cáo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của án Kinh doanh thương mại có 300.000 đồng là không đúng mà phải là 2.000.000 đồng

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 227, 235, 266, 271, 273 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
 - Căn cứ Điều 342, 343, 350, 351, 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;
 - Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.
 - Căn cứ Quyết định 1627/2001/QĐ – NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng;
 - Căn cứ Nghị định số 75/2000/ NĐ – CP ngày 8.12.2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực;
 - Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ;
 - Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;
- Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 36/2020/KDTM-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghiệp H. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghiệp H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 030512/HĐHMTD/TCB/KNM ngày 03/5/2012 tính đến ngày 16/9/2020 là: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 4.198.279.959 đồng Tổng cộng là **8.198.279.959 đồng** (tám tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm lẻ chín đồng).
2. Đình chỉ đối với yêu cầu phần lãi phạt của Ngân hàng TMCP K.
3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghiệp H phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi trên dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 030512/HĐHMTD/TCB/KNM ngày 03/5/2012 tính theo lãi suất 13%/năm kể từ ngày 17/9/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP K.
4. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghiệp H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5E-III-16 tại địa chỉ: Số 16, tổ 31, phường T, quận T, thành phố H; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mã số 10111190065, hồ sơ gốc số 13547.2001/2499.2001.QĐUB, do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/5/2001, đăng ký sang tên cho ông Đỗ Chí Đ số 41 ngày 08/02/2012 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T, thành phố H. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng khi phát mại tài sản thế chấp sẽ thanh toán cho vợ chồng ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P số tiền 250.000.000 đồng.

Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghiệp H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Những người có HKTT và đang cư trú sinh sống hoặc kinh doanh dưới mọi hình thức tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5E-III-16 tại địa chỉ: Số 16, tổ 31, phường T, quận T, thành phố H có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

6. Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và công nghiệp H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 116.198.280 (một trăm mười sáu triệu, một trăm chín tám nghìn, hai trăm tám mươi) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.000.000 đồng tại biên lai thu số AM/2010/ 0004462 ngày 15/10/2015 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Do sửa án sơ thẩm nên ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông Triệu Khắc C và bà Phạm Thị Lan P mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã đóng theo biên lai số AA/2018/0009650 ngày 22/10/2020 và biên lai số AA/2018/0009666 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/6/2021.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thành